

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-7-2022

V/v “ly hôn, tranh chấp
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chu Y

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hồng Vân;

2. Nguyễn Hồng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhiều - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị M, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Ấp T1, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M1, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: Ấp T1, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M1 tự tìm hiểu nhau một thời gian rồi được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và về chung sống với nhau vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Lễ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang vào ngày 06 tháng 6 năm 2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì anh M1 thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn chăm sóc gia đình, anh M1 thiếu nợ nhiều người, hai vợ chồng bỏ quê vào nam sinh sống tại ấp T1, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và có đăng ký nhân khẩu thường trú tại đây. Trong quá trình chung sống anh M1 tiếp tục cờ bạc, không lo làm ăn chăm sóc gia đình, chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh M1 không thay đổi, thường xuyên đánh đập chị vô cớ. Năm 2020 chị có nộp đơn ly hôn với anh M1 nhưng sau đó anh M1 có hứa sẽ thay đổi nên chị đã rút đơn, sau đó anh M1 không thay đổi mà tiếp tục đánh bài nhiều hơn. Chị và anh M1 ly thân từ năm 2020 tới nay. Trong thời gian ly thân chị và anh M1 không có giải pháp hàn gắn gia đình. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn M1.

Về con chung: Chị và anh M1 có hai con chung tên Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2001 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 12 tháng 02 năm 2003, nay ly hôn do con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị trình bày không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn M1 trình bày: Thống nhất với chị M về cơ sở kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị. Anh và chị M ly thân từ năm 2020 tới nay, trong thời gian ly thân anh và chị M có gặp nhau nhưng không hòa giải hàn gắn gia đình được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M.

Về con chung: Anh và chị M có hai con chung tên Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2001 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 12 tháng 02 năm 2003, nay ly hôn do con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh trình bày không có.

Anh M1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên Tòa trình bày:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, đã chấp hành tốt những quy định pháp luật, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành nghiêm nội qui phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, cho chị M được ly hôn với anh M1. Về con chung: Do con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được. Chị M và anh M1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị M và anh M1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Chị M và anh M1 trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm chị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Văn M1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh M1 theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh M1 trên cơ sở tự nguyện và đi đến hôn nhân từ năm 2000, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã Đông Lễ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 06 tháng 6 năm 2000, nên hôn nhân của chị M và anh M1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về quá trình chung sống thì thấy rằng: Hai anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh M1 thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn, chăm sóc gia đình, anh M1 thường xuyên gây gỗ đánh đập chị M, từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn mất lòng tin lẫn nhau dẫn đến vợ chồng ly thân từ năm 2020 tới nay, trong thời gian ly thân cả hai cũng không có giải pháp khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua biên bản lấy lời khai của chị M, cũng như biên bản lấy lời khai của anh M1 phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ. Do đó, hôn nhân giữa chị

M và anh M1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu ly hôn, anh M1 cũng đồng ý. Do đó, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M đối với anh M1 là có cơ sở.

[3] Về con chung: Chị M và anh M1 xác định có hai con chung tên Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2001 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 12 tháng 02 năm 2003. Khi ly hôn do con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị M và anh M1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị M và anh M1 trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị M đối với anh Nguyễn Văn M1

Chị Đỗ Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn M1.

2. Về con chung: Ghi nhận anh chị có hai con chung tên Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2001 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 12 tháng 02 năm 2003. Con chung đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị M và anh M1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị M và anh M1 trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm:

Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình, khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0022679 ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Chị M đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm

Anh M1 không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị M, anh M1 có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Như tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TAT;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THA Bến Cầu;
- UBND xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;
- Đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Chu Y